

Bản án số: **12/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày: 26 - 4 - 2019  
“Về việc ly hôn”

”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Hoàng Khương
2. Bà Quách Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận** không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh K; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà và ông Lê Văn H sống chung như vợ chồng từ năm 1998 cho đến nay, không đăng ký kết hôn. Mấy năm gần đây, do sức khỏe không tốt, bà thường đi điều trị bệnh nên không có thời gian chăm sóc cho ông H. Nay bà xin ly hôn; Về con chung: không có; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Về nợ: không có.

*Tại bản tự khai đề ngày 09/3/2019, ông Lê Văn H trình bày:* Ông và bà D kết hôn năm 1998, không đăng ký kết hôn. Hện nay vợ chồng mỗi người một nơi, không còn chung sống với nhau. Nay bà D xin ly hôn, ông đồng ý; Về con chung: không có; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Về nợ: không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H sống chung với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998. Việc sống chung của ông, bà không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông H thống nhất. Do đó HĐXX áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông H.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về nợ: Các bên trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà D là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, do bà D thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn H.

2- Về án phí: Bà Nguyễn Thị D được miễn toàn bộ án phí.

3- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kiều Diễm**

